

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2026/HNGĐ -ST

Ngày: 22-7-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Nhanh.

Bà Hà Hồng Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Ngọc Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu B**, sinh ngày 28/02/1994. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A cũ), xã L1, tỉnh Vĩnh Long.

Số CMND/CCCD: 086094008563.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Kim T**, sinh ngày 29/12/1995. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H (ấp T), xã H1, tỉnh Vĩnh Long.

Số CMND/CCCD: 331786323.

- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A), xã L1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Kim T thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/3/2013. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân từ tháng 12/2015 đến nay không hàn gắn được. Nay xét thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Huỳnh Kim T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hữu D, sinh ngày 03/4/2013 hiện đang sống chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 23/6/2026, người làm chứng ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông là cha ruột của anh Nguyễn Hữu B. Giữa anh B và chị T thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn thì vợ chồng anh B chung sống tại nhà ông. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Anh B và chị T đã không sống chung từ năm 2015 đến nay. Về con chung của anh B và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hữu Duy, hiện đang sống chung với anh B, điều kiện sinh sống của cháu được đảm bảo, phát triển tốt về mọi mặt, ông cũng phụ giúp anh B chăm sóc cháu. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh B không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là tại các lần hoà giải thì bị đơn vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về hôn nhân: Giải quyết cho anh Nguyễn Hữu B ly hôn với chị Huỳnh Kim T. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Hữu Duy, sinh ngày 03/4/2013 cho anh Nguyễn Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung:

Không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu B yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Huỳnh Kim T cư trú ấp H, xã H1, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B có đơn xin vắng mặt ngày 15/4/2026, bị đơn chị Huỳnh Kim T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Người làm chứng ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[4] Anh Nguyễn Hữu B và chị Huỳnh Kim T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 vào ngày 23/3/2013 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là hợp pháp.

[5] Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Huỳnh Kim T thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ tháng 12/2015 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh B và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh B là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Xét thấy con chung tên Nguyễn Huỳnh Hữu Duy, sinh ngày 03/4/2013 hiện đang sống trực tiếp với anh B, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T không có ý kiến gì về việc anh B yêu cầu nuôi con chung. Xét con chung cháu Nguyễn Huỳnh Hữu Duy có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh B. Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hữu B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu B được ly hôn với chị Huỳnh Kim T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Hữu D, sinh ngày 03/4/2013 cho anh Nguyễn Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hữu B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hữu B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh B đã nộp theo biên lai thu số 0003973 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
 - Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
 - UBND xã Song Phú, tỉnh Vĩnh Long)
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 23/3/2013);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thuý An